TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST
Ngày 03-6-2022
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

Ông Lê Văn Linh.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn N, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2022, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Trần Văn N tự nguyện tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 9/1997, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chị L và anh N chung sống hạnh phúc, đến tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị L và anh N sống ly thân từ tháng 12/2021 cho đến nay. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, nên chị L yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa chị và anh N không

phải là vợ chồng; về con chung: trong thời gian chung sống chị L và anh N có hai con chung là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 28/3/1998 và Trần Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 09/8/2003, hiện nay Hồng N và Khánh Đ đã thành niên, không có bệnh tật gì, có khả năng lao động tự nuôi bản thân, chị L không yêu cầu về con chung; về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị L và anh N có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: trong thời gian chung sống chị L và anh N không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 29/3/2022 anh Trần Văn N trình bày: anh N thống nhất với lời trình bày của chị L về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Về hôn nhân: Anh N đồng ý yêu cầu của chị L về tuyên bố quan hệ giữa anh chị không phải là vợ chồng; về con chung là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 28/3/1998 và Trần Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 09/8/2003, hai con chung đều đã thành niên, không có bệnh tật gì, có khả năng lao động tự nuôi bản thân, anh N không yêu cầu về con chung; về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị L và anh N có tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: trong thời gian chung sống chị L và anh N không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ tranh chấp: nguyên đơn chị L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, nên Hội đồng xét xử xác định "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" là phù hợp theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Anh N vắng mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu về hôn nhân của chị L. Chị L và anh N chung sống với nhau và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào tháng 9/1997, trên tinh thần tự nguyện của anh chị. Trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, nên đời sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đến tháng 12/2021 thì anh chị không sống chung cho đến nay. Xét chị L và anh N đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, có đủ điều kiện kết hôn, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của

Luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ của anh chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng; chị L và anh N đều không muốn hàn gắn để chung sống với nhau và cùng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu của chị L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị L và anh N cùng xác định, anh và chị có hai con chung là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 28/3/1998 và Trần Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 09/8/2003, hiện nay Hồng N và Khánh Đ đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, chị L và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh N đều thống nhất không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng L.

1. Về hôn nhân: tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Trần Văn N.

2. Về con chung: con chung của chị L và anh N là Trần Thị Hồng N, sinh ngày 28/3/1998 và Trần Nguyễn Khánh Đ, sinh ngày 09/8/2003, hiện nay Hồng N và Khánh Đ đã thành niên không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để tự nuôi bản thân, chị L và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh N không yêu cầu, nên không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh N không phải chịu án phí; chị L phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân và gia đình, nhưng chị L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001789 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng, chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã A;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Ngoan